CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Kim Changbae	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/10/2010)
Ông Lee Yun Hak	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18/10/2010)
	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27/5/2010)
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/5/2010)
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/4/2010)
Ông Lâm Đức Trường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/4/2010)
Ông Kim Changbae	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/4/2010)
Ông Park Hyung Soon	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/4/2010)
Ông Vũ Đức Nghĩa	Thành viên
Ông Lim Song Hak	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/3/2010)
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/4/2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2011

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 552 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 13. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 4 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**144.642.447.357**	**164.125.780.024**
I. Tiền	**110**	**5**	**43.538.243.256**	**94.761.566.817**
1. Tiền	111		43.538.243.256	94.761.566.817
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**64.002.833.831**	**44.189.868.340**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		65.426.962.451	44.189.868.340
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.424.128.620)	-
III. Các khoản phải thu	**130**		**34.780.792.091**	**22.108.343.329**
1. Phải thu của khách hàng	131		4.795.968.032	-
2. Trả trước cho người bán	132		5.309.077.869	505.134.395
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		30.000.000	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		3.738.673.631	5.306.368.375
5. Phải thu khác	138		21.074.328.438	16.382.026.080
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(167.255.879)	(85.185.521)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**280.704.534**	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.039.873.645**	**3.066.001.538**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		286.742.083	1.156.523.383
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.787.221	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.682.344.341	1.909.478.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	**200**		**19.872.558.913**	**10.833.495.683**
I. Tài sản cố định	**220**		**18.111.165.368**	**10.391.044.424**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	4.321.895.157	2.517.917.239
- Nguyên giá	222		*6.864.078.846*	*3.717.474.088*
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(2.542.183.689)*	*(1.199.556.849)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	7.597.366.617	7.747.170.662
- Nguyên giá	228		*9.854.665.894*	*8.904.008.633*
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(2.257.299.277)*	*(1.156.837.971)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		6.191.903.594	125.956.523
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**85.500.000**	**85.500.000**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		85.500.000	85.500.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.675.893.545**	**356.951.259**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		318.719.353	-
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		550.754.502	356.951.259
3. Tài sản dài hạn khác	268		806.419.690	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**164.515.006.270**	**174.959.275.707**

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 13 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NỢ PHẢI TRẢ	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	**300**		**28.497.301.307**	**39.120.802.828**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**28.497.301.307**	**39.120.802.828**
1. Phải trả người bán	312		1.207.811.600	362.916.718
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		473.676.343	109.347.484
3. Phải trả người lao động	315		908.985.579	359.332.951
4. Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán	320		24.220.503.577	37.137.035.319
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		84.591.017	4.542.700
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		1.601.733.191	1.147.627.656
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**136.017.704.963**	**135.838.472.879**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**136.017.704.963**	**135.838.472.879**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	9	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	438	9	790.406.067	611.173.983
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**164.515.006.270**	**174.959.275.707**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	31/12/2010	31/12/2009
Ngoại tệ các loại	USD	10.968	16.366
Chứng khoán lưu ký	VND	120.179.320.000	77.799.300.000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	VND	192.000.000.000	10.000.000

Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu	**01**		**19.645.217.443**	**15.836.324.918**
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.414.786.928	4.835.482.696
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		380.837.513	9.544.500
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		5.076.426.911	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	01.7		980.000	2.300.000
Doanh thu khác	01.9		11.772.186.091	10.988.997.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**32.406.084**	**55.466.934**
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	**10**		**19.612.811.359**	**15.780.857.984**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**		**14.522.498.767**	**8.953.099.877**
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		**5.090.312.592**	**6.827.758.107**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**4.909.904.207**	**6.113.576.010**
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	**30**		**180.408.385**	**714.182.097**
8. Thu nhập khác	**31**		**194.509.003**	**6.735.379**
9. Chi phí khác	**32**		**93.659.943**	**16.388.664**
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**100.849.060**	**(9.653.285)**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**281.257.445**	**704.528.812**
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**10**	**102.025.361**	**125.246.901**
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**179.232.084**	**579.281.911**

Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**281.257.445**	**704.528.812**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.443.088.146	1.744.394.820
Các khoản dự phòng	03	1.506.198.978	85.185.521
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.632.510.833)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(5.401.966.264)**	**2.534.109.153**
(Tăng) các khoản phải thu	09	(27.498.296.071)	(14.913.174.261)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(280.704.534)	817.468.389
(Giảm)/Tăng khoản phải trả và các khoản công nợ khác	11	(8.748.683.596)	13.533.308.930
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(449.160.986)	2.795.667.578
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(104.435.597)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	156.346.593	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(948.128.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(42.326.900.455)***	***3.819.251.229***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.035.616.779)	(6.983.715.928)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(464.623.136.861)	(560.449.891.211)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	458.129.819.701	591.224.367.671
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.632.510.833	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(8.896.423.106)***	***23.790.760.532***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***-***	***35.000.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(51.223.323.561)**	**62.610.011.761**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**94.761.566.817**	**32.151.555.056**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**70**	**43.538.243.256**	**94.761.566.817**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 1.782.407.689 đồng (năm 2009 là 723.616.000 đồng), là số tiền dùng để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Vũ Đức Nghĩa	**Nguyễn Thị Lan Anh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**

Ngày 09 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 13 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt) (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03/03/2008, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10/03/2009, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06/02/2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19/8/2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 98 người (31/12/2009: 97 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty sẽ thực hiện việc áp dụng Thông tư này cho việc lập báo cáo tài chính năm 2011.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản tiền gửi của người đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng chỉ định thanh toán để thực hiện cho các giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm cả tổ chức và cá nhân.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc xác định mức trích lập dự phòng dựa trên đánh giá về mức độ tổn thất của các khoản nợ quá hạn thanh toán, nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tại ngày lập báo cáo tài chính năm, Ban giám đốc đánh mức độ tổn thất này là 4%.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu phí môi giới của nhà đầu tư.

Doanh thu khác

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng và lãi nhận được từ các hợp đồng chuyển nhượng tiền nhận tiền bán chứng khoán, hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn, hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn ngắn hạn, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn, hợp đồng hỗ trợ tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời nào do đó không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	152.843.152	760.184.070
Tiền gửi Ngân hàng	43.385.400.104	94.001.382.747
	43.538.243.256	**94.761.566.817**

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Công ty ký kết với nhà đầu tư và thu phí chuyển nhượng các hợp đồng mua bán chứng khoán, chuyển nhượng quyền trong tương lai bao gồm: Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn, hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn, hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn ngắn hạn, hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán, hợp đồng hỗ trợ tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các nghiệp vụ mua bán chứng khoán, mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán, hỗ trợ tài chính, hoạt động cầm cố chứng khoán .

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư về chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	1.455.926.618	3.610.620.000
Đầu tư ngắn hạn về hoạt động chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn (i)	24.193.250.000	25.976.450.000
Đầu tư ngắn hạn của công ty về mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn (ii)	20.064.025.000	14.025.000.000
Đầu tư ngắn hạn của công ty về mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn ngắn hạn	332.070.000	332.070.000
Chứng khoán tự doanh	9.127.149.140	245.728.340
Đầu tư ngắn hạn của Công ty về hỗ trợ tài chính	3.459.272.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	6.795.269.693	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.424.128.620)	-
	64.002.833.831	**44.189.868.340**

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(i): Tại ngày 31/12/2010, Công ty đã ký các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn đối với cổ phần của các công ty: Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Dòng sông xanh, Công ty Cổ phần Tản Đà, Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàm Long, Ngân hàng Thương mại cổ phần Liên Việt, do đó phát sinh nghĩa vụ phải thu với số tiền là 24.193.250.000 VND (2009: 25.976.450.000 VND) đang được trình bày tại khoản mục Đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán.

(ii): Tại ngày 31/12/2010, Công ty có ký kết các hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn với giá trị 20.064.025.000 VND (2009: 14.025.000.000 VND), đang được trình bày tại khoản mục Đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2010	441.666.190	3.252.707.898	23.100.000	3.717.474.088
Tăng trong năm	-	3.146.604.758	-	3.146.604.758
Tại ngày 31/12/2010	**441.666.190**	**6.399.312.656**	**23.100.000**	**6.864.078.846**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2010	141.082.000	1.043.708.849	14.766.000	1.199.556.849
Khấu hao trong năm	110.808.900	1.223.483.940	8.334.000	1.342.626.840
Tại ngày 31/12/2010	**251.890.900**	**2.267.192.789**	**23.100.000**	**2.542.183.689**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	**189.775.290**	**4.132.119.867**	**-**	**4.321.895.157**
Tại ngày 31/12/2009	**300.584.190**	**2.208.999.049**	**8.334.000**	**2.517.917.239**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010	8.904.008.633	8.904.008.633
Tăng trong năm	510.431.386	510.431.386
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	440.225.875	440.225.875
Tại ngày 31/12/2010	**9.854.665.894**	**9.854.665.894**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2010	1.156.837.971	1.156.837.971
Khấu hao trong năm	1.100.461.306	1.100.461.306
Tại ngày 31/12/2010	**2.257.299.277**	**2.257.299.277**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2010	**7.597.366.617**	**7.597.366.617**
Tại ngày 31/12/2009	**7.747.170.662**	**7.747.170.662**

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ đã góp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2009	**100.000.000.000**	**31.892.072**
Góp vốn trong năm	35.000.000.000	-
Lợi nhuận trong năm	-	579.281.911
Tại ngày 01/01/2010	**135.000.000.000**	**611.173.983**
Góp vốn trong năm	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	179.232.084
Tại ngày 31/12/2010	**135.000.000.000**	**790.406.067**

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp VND	%
Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori	66.150.000.000	49%
Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6%
Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5%
Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ	5.000.000.000	4%
Ông Lâm Đức Trường	5.000.000.000	4%
Ông Nguyễn Thành Trung	4.927.850.000	4%
Ông Võ Lê Nam	4.912.820.000	4%
Ông Võ Hưng	4.552.750.000	3%
Cá nhân khác	28.956.580.000	21%
	135.000.000.000	**100%**

10. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	**281.257.445**	**704.528.812**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	126.844.000	15.364.664
Thu nhập chịu thuế	**408.101.445**	**719.893.476**
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**102.025.361**	**179.973.369**
Giảm thuế (i)	-	(53.992.011)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**102.025.361**	**125.981.358**

(i) Giảm thuế được xác định bằng 30% số thuế phải trả của năm 2009 - theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì sự tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội".

11. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2010 VND	2009 VND
Trong vòng 1 năm	2.773.386.544	1.716.720.000
Từ 2 đến 5 năm	2.877.380.020	2.646.025.644
Cộng	**5.650.766.564**	**4.362.745.644**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng của Công ty. Hợp đồng thuê văn phòng tại Hà Nội được ký với với Khách sạn Công đoàn Hà Nội có thời hạn 5 năm tính từ ngày 20/08/2007, hợp đồng thuê văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh được ký với Công ty Cổ phần Dòng sông xanh có thời hạn 5 năm tính từ ngày 19/3/2007 và hợp đồng thuê văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh được ký với Công ty Cổ phần Chương Dương có thời hạn 3 năm tính từ ngày 15/5/2010.

12. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	2010 VND	2009 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	400.880.000	262.612.182

13. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Năm 2010	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch VND
Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư trong nước	11.792.862	117.937.620.000
Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	223.809	2.238.090.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của nhà đầu tư trong nước	361	3.610.000
	12.017.032	**120.179.320.000**

14. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Ngày 09 tháng 4 năm 2011